

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN IA GRAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02/12/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;**

**2. Bà Nguyễn Thị Lan.**

***Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:***  
**Bà Lê Đức Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa:

**1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T**

Địa chỉ: Làng B, xã D, huyện Ia G, tỉnh G

**2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phi V**

Địa chỉ: Làng B, xã D, huyện Ia G, tỉnh G

***Các đương sự đều có mặt.***

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*** Bà và ông Nguyễn Phi V đăng ký kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ tình cảm của hai bên. Tuy nhiên hôn nhân giữa bà và ông V chỉ hạnh phúc chỉ được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do toàn bộ kinh tế, tiền bạc trong gia đình ông V đều nắm giữ hết; khi bà đau ốm, tai nạn ông V và gia đình bên chồng tỏ vẻ coi thường. Mặt khác ông V thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà và cha mẹ bà. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà bỏ nhà ra đi từ tháng 7/2020 và cũng từ đó bà và ông V không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự đã hết, có chung sống cũng không có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V để tạo dựng cuộc sống mới.

Bà và ông V có 03 con là Nguyễn Lê Yến V1, sinh ngày 22/11/2007; Nguyễn Lê T, sinh ngày 08/9/2009 và Nguyễn Lê Quỳnh N, sinh ngày 14/8/2014. Kể từ khi bà bỏ nhà ra đi các con đều do ông V chăm sóc. Khi ly hôn vì điều kiện kinh tế và hoàn cảnh hiện tại của bà khó khăn hơn ông V nên bà xin nhận nuôi con Nguyễn Lê Quỳnh N còn con Nguyễn Lê Yến V1 và Nguyễn Lê T giao cho ông V nuôi.

Về tài sản, nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Phi V trình bày:* Việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống giữa ông với bà T như đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ, chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Ông thừa nhận nhiều khi bức xúc có đánh bà T vì bà T thường xuyên bỏ đi không quan tâm đến con cái. Từ tháng 7/2020 bà T tự ý bỏ nhà đi không quan tâm đến gia đình và các con. Nay bà T muốn đi đâu, ở đâu cũng được nhưng ông không đồng ý ly hôn vì tự bà T làm đơn ly hôn chứ không phải ông.

Về con chung, kể từ khi bà T bỏ nhà ra đi, các con đều do ông chăm sóc. Nếu bà T không nuôi được con thì ông yêu cầu được nuôi hết vì ông có điều kiện tốt hơn bà T.

Về tài sản ông cũng không có yêu cầu gì.

*Phát biểu quan điểm về kiểm sát tuân theo pháp luật, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; nguyên đơn, bị đơn cũng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông V. Giao các con Nguyễn Lê Yến V1 và Nguyễn Lê T cho ông V trực tiếp nuôi; giao con Nguyễn Lê Quỳnh N cho bà T trực tiếp nuôi. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phi V, đồng thời có yêu cầu về việc nuôi con khi ly hôn. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Phi V là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến họ không còn sống chung với nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay. Do vậy có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T và ông V thật sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông V là phù hợp.

[3]. Về nuôi con khi ly hôn: Bà T và ông V có 03 con là Nguyễn Lê Yến V1, sinh ngày 22/11/2007; Nguyễn Lê T, sinh ngày 08/9/2009 và cháu Nguyễn Lê Quỳnh N, sinh

ngày 14/8/2014. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con là Nguyễn Lê Quỳnh N; ông V có nguyện vọng nuôi tất cả các con. Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Tuy nhiên để giao con cho cha hoặc mẹ còn phải căn cứ vào tình hình thực tế, lợi ích mọi mặt của các con, đồng thời phải xem xét nguyện vọng chính đáng của con. Xét điều kiện và hoàn cảnh của bà T chỉ có thể trực tiếp nuôi được cháu N; còn ông V có điều kiện hơn bà T, có thể đảm bảo được lợi ích mọi mặt của các con. Do vậy cần giao các con Nguyễn Lê Yến V1 và Nguyễn Lê T cho ông V; giao con Nguyễn Lê Quỳnh N cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các con.

4]. Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình, thì nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là nghĩa vụ bắt buộc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được giải thích nhưng các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến nữa.

[5]. Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Bà **Lê Thị T** được ly hôn với ông **Nguyễn Phi V**.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao các con Nguyễn Lê Yến V1 và Nguyễn Lê T cho ông Nguyễn Phi V; giao con Nguyễn Lê Quỳnh N cho bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ theo biên lai thu số 0011933 ngày 11/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Bà Tân đã nộp đủ án phí.

*Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ – Nguyễn Thị Lan**

**Đặng Chí Công**